

Số: 1452/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 11 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2161/TTr-SGDĐT ngày 07/9/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Quy chế thi, tuyển sinh, 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 (kèm theo danh mục).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CSDLQGTTTC);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP Trần Văn Trung (VIC);
- Công TTĐT tỉnh (VIC);
- CCHC (Đ119, VIC);
- Lưu: VT. Tr 13/9.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Quân**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG  
LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ THUỘC THẨM  
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1452/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I.	Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 05/10/2016		
1.	T-CMU-288227-TT	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do Cơ sở nước ngoài cấp	Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG VỰC LĨNH VỰC QUY CHẾ THI, TUYỂN SINH VÀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CÀ MAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1100/UBND ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*



Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực Quy chế thi, tuyển sinh (cấp tỉnh, cấp huyện)</b>						
1	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (áp dụng chung tại cấp tỉnh và cấp huyện)	Theo thông báo của trung tâm sát hạch.	Nộp hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm sát hạch.	Không	Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.	Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BGD-285402-TT” của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học (cấp tỉnh)	Theo đợt tuyển sinh.	Nộp hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc khai hồ sơ theo yêu cầu phần mềm tuyển sinh đến Trường Đại học, Cao đẳng.	Không	Thông tư số 26/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh, tổ chức bồi dưỡng, xét chọn và phân bổ vào học trình độ đại học; cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm đối với học sinh hệ dự bị đại học.	Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BGD-285398-TT” của Bộ Giáo dục và Đào tạo

<b>II. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (cấp tỉnh, cấp huyện)</b>						
3	<p>Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện học bổng khác và tự túc vào học tại Việt Nam (cấp tỉnh)</p>	<p>Trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Nộp hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Cơ sở giáo dục phổ thông, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập.</p>	<p>Không</p>	<p>Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BGD-285227-TT” của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>
4	<p>Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên (áp dụng chung tại cấp tỉnh và cấp huyện)</p>	<p>- Phương thức chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập được cấp đủ trong 9 tháng/năm học và chi trả 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả đủ 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4. - Phương thức chi trả tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với người học ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc</p>	<p>Nộp hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến cơ sở giáo dục.</p>	<p>Không</p>	<p>- Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BGD-285239-TT” của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>

		<p>doanh nghiệp nhà nước.          Kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cấp đủ trong 9 tháng/năm học (đối với học sinh mầm non và phổ thông), 10 tháng/năm học (đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và thực hiện 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả đủ 4 tháng (đối với học sinh mầm non và phổ thông), 5 tháng (đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả đủ 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4.</p> <p>Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông, học sinh, sinh viên chưa nhận tiền cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.</p>			<p>giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.</p>	
--	--	--	--	--	---	--

**Tổng số có 02 áp dụng chung tại cấp tỉnh và cấp huyện, 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh./.**